

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 30/03/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB1858	Nguyễn Thị Hồng	Ái	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,0	Đạt	
2	BKCB1859	Nguyễn Phúc	An	12/07/2006	Thành Phố Hồ Chí Minh	9,0	9,5	Đạt	
3	BKCB1860	Lê Châu Minh	Anh	14/08/1999	Bình Định	8,67	8,17	Đạt	
4	BKCB1861	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/09/1999	Đắk Lắk	9,33	10,0	Đạt	
5	BKCB1862	Trần Thị Hồng	Anh	21/12/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh				Vắng
6	BKCB1863	Trần Thị Minh	Anh	23/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,17	Đạt	
7	BKCB1864	Trương Đình Dân	Anh	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,5	Đạt	
8	BKCB1865	Trương Duy Ngọc	Anh	07/01/1997	Vĩnh Long	8,33	8,83	Đạt	
9	BKCB1866	Trần Nguyễn Ngọc	Ánh	11/06/2003	Đồng Nai	10,0	9,17	Đạt	
10	BKCB1867	Vũ Thị Ngọc	Ánh	10/02/1999	Thái Bình	9,0	7,83	Đạt	
11	BKCB1868	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2005	Ninh Thuận	9,0	8,5	Đạt	
12	BKCB1869	Quách Thị Như	Băng	15/01/2001	Cà Mau	8,67	9,33	Đạt	
13	BKCB1870	Bùi Mạnh	Bảo	21/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,83	Đạt	
14	BKCB1871	Nguyễn Quỳnh	Châu	15/02/2001	Lâm Đồng	9,67	8,83	Đạt	
15	BKCB1872	Nguyễn Duy	Cường	11/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
16	BKCB1873	Thạch Thị Hồng	Đang	01/01/2000	Trà Vinh	8,0	7,33	Đạt	
17	BKCB1874	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/01/2002	Bình Định	9,33	8,17	Đạt	
18	BKCB1875	Bùi Hoàng	Dũng	27/09/2003	Bình Dương				Vắng
19	BKCB1876	Lê Thuý	Dương	07/07/2004	Hải Dương	9,67	6,67	Đạt	
20	BKCB1877	Phan Nguyễn Hương	Giang	03/01/2006	Long An	8,0	7,33	Đạt	
21	BKCB1878	Võ Thị Cẩm	Hà	20/06/1996	Bình Phước	9,67	8,0	Đạt	
22	BKCB1879	Hoàng Ngọc Gia	Hân	14/02/2004	Lâm Đồng	6,67	6,17	Đạt	
23	BKCB1880	Trần Thị Ngọc	Hân	20/07/2003	Tiền Giang	7,0	5,33	Đạt	
24	BKCB1881	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/10/2001	Quảng Bình	10,0	8,0	Đạt	
25	BKCB1882	Giang Đại	Hiệp	22/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,17	Đạt	
26	BKCB1883	Nguyễn Thị Thuý	Hoàng	28/04/2002	Phú Yên	9,0	8,33	Đạt	
27	BKCB1884	Võ Minh	Hùng	11/03/2004	Long An	7,0	7,33	Đạt	
28	BKCB1885	Mai Thu	Huyền	15/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,33	Đạt	
29	BKCB1886	Nguyễn Trương Vân	Huyền	29/07/2005	Bình Thuận				Vắng
30	BKCB1887	Vi Thụy Mai	Khanh	02/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,83	Đạt	
31	BKCB1888	Đào Thị Hồng	Khánh	02/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,33	Đạt	
32	BKCB1889	Nguyễn Mai Xuân	Khoa	28/10/2003	Vĩnh Long	6,33	8,0	Đạt	
33	BKCB1890	Mai Lâm Tuấn	Kiệt	25/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	Đạt	
34	BKCB1891	Nguyễn Tuấn	Kiệt	03/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	5,33	Đạt	
35	BKCB1892	Trần Thị Hồng	Lan	23/06/2004	Hà Tĩnh	7,67	6,83	Đạt	
36	BKCB1893	Võ Thị Thuý	Linh	21/02/1999	Đồng Nai	9,67	8,5	Đạt	
37	BKCB1894	Lê Nguyễn Hoàng	Long	24/01/2002	Tây Ninh	10,0	8,83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
38	BKCB1895	Nguyễn Xuân	Mai	06/03/2002	Lâm Đồng	10,0	9,33	Đạt	
39	BKCB1896	Trần Công	Minh	20/10/1996	Quảng Bình	6,67	7,17	Đạt	
40	BKCB1897	Nguyễn Kiều	My	30/04/1998	Kiên Giang	8,67	7,17	Đạt	
41	BKCB1898	Trương Thị	My	02/10/1989	Thanh Hóa	8,67	6,0	Đạt	
42	BKCB1899	Trần Thị Tuyết	Nga	20/03/2001	Tây Ninh	9,0	7,67	Đạt	
43	BKCB1900	Trần Thanh	Ngân	27/08/2003	Vĩnh Long	8,33	8,17	Đạt	
44	BKCB1901	Phan Thị	Ngân	11/03/2002	Đắk Lắk	9,0	8,17	Đạt	
45	BKCB1902	Lê Thị Kim	Ngọc	10/11/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh	6,67	6,5	Đạt	
46	BKCB1903	Trịnh Chí	Nguyên	02/04/2000	Phú Yên	7,0	6,83	Đạt	
47	BKCB1904	Nguyễn Duy	Nhân	02/10/2003	Vĩnh Long	8,33	8,33	Đạt	
48	BKCB1905	Nguyễn Hồ Ý	Nhi	08/10/1997	Phú Yên	9,67	8,67	Đạt	
49	BKCB1906	Trương Mẫn	Nhi	05/01/1999	Lâm Đồng	7,0	6,67	Đạt	
50	BKCB1907	Nguyễn Tuyết	Như	01/02/2001	Tây Ninh	7,33	6,0	Đạt	
51	BKCB1908	Lương Quỳnh	Nhung	27/10/2004	Bình Phước	9,33	7,67	Đạt	
52	BKCB1909	Huỳnh Thanh	Phương	25/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
53	BKCB1910	Phan Vũ Hải	Quang	26/06/1998	Cần Thơ	9,33	8,5	Đạt	
54	BKCB1911	Trần Anh	Quốc	14/09/2000	Tây Ninh	8,0	7,0	Đạt	
55	BKCB1912	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	11/03/2002	Bình Định				Vắng
56	BKCB1913	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	19/09/1998	Nghệ An	5,67	5,17	Đạt	
57	BKCB1914	Nguyễn Phú	Sang	04/10/1991	An Giang				Vắng
58	BKCB1915	Dương Hoàng	Son	05/12/2004	Bạc Liêu	8,33	8,67	Đạt	
59	BKCB1916	Lê Tấn	Tài	09/09/1999	Đồng Nai	8,0	6,67	Đạt	
60	BKCB1917	Nguyễn Việt Kiều	Thanh	01/02/2005	Gia Lai				Vắng
61	BKCB1918	Bùi Thị Phương	Thảo	24/02/2004	Bình Phước	8,67	5,83	Đạt	
62	BKCB1919	Ngô Thị Thanh	Thảo	09/11/2004	Bình Dương	6,33	6,0	Đạt	
63	BKCB1920	Nguyễn Thị Kim	Thảo	22/10/2003	Bến Tre	8,33	6,0	Đạt	
64	BKCB1921	Lâm Thị Kanh	Thi	26/02/2001	Sóc Trăng	10,0	9,17	Đạt	
65	BKCB1922	Trịnh Anh Minh	Thi	30/04/1999	Đắk Lắk	9,67	9,67	Đạt	
66	BKCB1923	Đỗ Hữu	Thiện	28/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,83	Đạt	
67	BKCB1924	Đào Đức	Thịnh	14/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,0	Đạt	
68	BKCB1925	Trịnh Xuân	Thịnh	21/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,5	Đạt	
69	BKCB1926	Trần Hoàng	Thông	10/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,5	Đạt	
70	BKCB1927	Huỳnh Diệu	Thư	28/01/1999	Bình Định	9,33	9,33	Đạt	
71	BKCB1928	Nguyễn Quốc	Thuận	24/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	6,0	Đạt	
72	BKCB1929	Nguyễn Ngọc Đan	Thủy	28/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,5	Đạt	
73	BKCB1930	Phan Nhật	Tiến	25/07/2004	Sóc Trăng	8,0	5,67	Đạt	
74	BKCB1931	Phan Thị Thanh	Tính	09/02/2003	Gia Lai	7,0	5,67	Đạt	
75	BKCB1932	Quách Thị Kim	Trà	22/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,67	Đạt	
76	BKCB1933	Đặng Thị Huyền	Trâm	06/08/2003	Bình Thuận	8,0	8,5	Đạt	
77	BKCB1934	Đỗ Thị Út	Trân	26/05/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh	9,33	5,17	Đạt	
78	BKCB1935	Nguyễn Ngọc Thủy	Trang	23/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
79	BKCB1936	Thái Minh	Trí	02/04/2002	Tây Ninh	8,33	8,17	Đạt	
80	BKCB1937	Phạm Thị Thuỳ	Trình	17/09/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh	5,33	5,33	Đạt	
81	BKCB1938	Lê Thị Cẩm	Tú	01/04/2001	Hà Tĩnh	7,33	6,17	Đạt	
82	BKCB1939	Nguyễn Ngọc	Tú	16/07/1999	Quảng Nam	9,0	9,33	Đạt	
83	BKCB1940	Nguyễn Lê Hồng	Uyên	22/02/1998	Quảng Ngãi	8,67	9,17	Đạt	
84	BKCB1941	Võ Nguyễn Thúy	Uyên	03/11/1997	Cần Thơ	7,67	8,83	Đạt	
85	BKCB1942	Vy Thị	Vân	18/07/2002	Đồng Nai	10,0	8,67	Đạt	
86	BKCB1943	Nguyễn Bảo	Việt	26/06/2001	Tây Ninh	6,0	6,67	Đạt	
87	BKCB1944	Nguyễn Khánh	Vũ	16/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,0	Đạt	
88	BKCB1945	Lê Phạm Thảo	Vy	06/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,17	Đạt	
89	BKCB1946	Nguyễn Ngọc Trúc	Vy	22/03/1999	Bạc Liêu	9,67	9,67	Đạt	
90	BKCB1947	Lê Ngọc Thảo	Vy	18/04/2004	An Giang	5,0	9,17	Đạt	
91	BKCB1948	Trần Hoàng Hải	Yến	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,33	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) >= 5 và Điểm thực hành >= 5

Số lượng thí sinh:91Số thí sinh đạt:84

Số lượng hiện diện:84

Thư ký Hội đồng
Ngô Quang Nhựt

Chủ tịch Hội đồng
Thoại Nam